TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2025/HC-PT
Ngày 18 tháng 4 năm 2025
"V/v khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào;
Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Lê Phước Thạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 61/2025/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc *"Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2024/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 892/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1947; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn N1, sinh năm 1983; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng có địa chỉ: Xóm C, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Tấn X, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn N1, sinh năm: 1983; địa chỉ: Xóm C, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Ngô Thị Na .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện bà Ngô Thị N và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Bà Ngô Thị N có các thửa đất: Đồng Giá (còn gọi là Đạp Giá), số thửa 126, diện tích 352m², tờ bản đồ số 31; Thìn Tặng, số thửa 174, diện tích 441m², tờ bản đồ số 44, cùng xã B; có nguồn gốc nhận khoán của Hợp tác xã N3 (viết tắt là HTX) vào năm 1991 theo diện khoán 10, sử dụng và nộp thuế cho HTX đến năm 1995. Khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ thì UBND xã B đã cân đối, giao cho hộ gia đình bà, do chồng bà là ông Nguyễn N2 (chết năm 2008) đại diện nhận và sử dụng ổn định từ năm 1995 đến nay.

Năm 1997, 1998 thực hiện Dự án Nhà máy lọc dầu số 01 D, hộ bà Ngô Thị N có đất, nhà ở bị thu hồi và tại thời điểm này Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu số A D chỉ sử dụng phần đất trong phạm vi xây dựng dự án, chứ không phải phần đất ngoài nhà máy. Từ năm 1998 đến năm 2015, bà Ngô Thị N vẫn duy trì canh tác trên các thửa đất của gia đình; đến năm 2015 Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện B mới ban hành quyết định bồi thường cho bà Ngô Thị N do phần đất nằm trong Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu số 01 Dung Quất; lẽ ra UBND huyện B phải thu hồi và bồi thường toàn bộ diện tích các thửa đất đo đạc theo bản đồ dự án nhưng cho rằng chủ đầu tư đã đền bù khi thu hồi đất từ năm 1997, 1998 nên năm 2015 không thu hồi, bồi thường cho bà Ngô Thị Na .

Từ khi Nhà nước giao quyền sử dụng đất cho gia đình bà Ngô Thị N theo Nghị định 64/CP vào năm 1995 đến nay thì Nhà nước chưa ban hành quyết định thu hồi quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị N và 02 thửa đất này cũng không nằm trong Dự án Nhà máy lọc dầu số 01 D vào năm 1997, 1998. Đến năm 2015 mới nằm trong Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 và đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai nhưng UBND xã B và UBND huyện B không có thông báo thu hồi đất, không mời bà Ngô Thị N thực địa thửa đất để phối hợp với cơ quan đo đạc vẽ bản đồ dự án và lập biên bản kiểm kê kiểm đếm.

Đầu năm 2016, nhận được tin báo của UBND xã B mời đến nhận tiền, bà Ngô Thị N có về ký một số giấy tờ và Trung tâm P có chi trả số tiền 15.700.000 đồng nhưng không có giấy tờ biên nhận, không giải thích rõ là tiền đền bù do thu hồi đất hay tiền hỗ trợ và không biết UBND huyện B có ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với số diện tích đất tương ứng với số tiền này hay không.

Ngày 16/7/2023, bà Ngô Thị N được biết các thửa đất của ông Phạm L gần các thửa đất của bà nằm trong Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu số 01 Dung Quất năm 2015, đã khởi kiện và được Tòa án tỉnh Quảng Ngãi thụ lý. Như vậy, các

thửa đất của bà Ngô Thị N cũng nằm trong Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu số 01 Dung Quất năm 2015 nhưng không được biết. Do đó, bà Ngô Thị N khởi kiện yêu cầu:

+ Tuyên bố hành vi của UBND huyện B về việc không thực hiện lập thủ tục hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho bà Ngô Thị N đối với 02 thửa đất gồm: Đồng Giá, số thửa 126/352m², tờ số 31; Thìn Tặng, số thửa 174/441m², tờ số 44 (tờ bản đồ 2007 chỉnh lý 2015) là hành vi hành chính trái pháp luật.

+ Buộc UBND huyện B phải thực hiện trình tự, thủ tục lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà Ngô Thị N về đất đai đối với 02 thửa đất nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 26/8/2024, bà Ngô Thị N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện:

+ Tuyên bố hành vi của UBND huyện B về việc không thực hiện lập thủ tục hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho bà Ngô Thị N đối với thửa đất Đồng Giá, số thửa 126, diện tích 301m², tờ số 31; Thìn Tặng, số thửa 174, diện tích 348m², tờ số 44 (tờ Bản đồ 2007 chỉnh lý 2015) là hành vi hành chính trái pháp luật.

+ Buộc UBND huyện B phải thực hiện trình tự, thủ tục lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà Ngô Thị N về đất đai đối với 02 thửa đất nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

- *Người bị kiện* UBND huyện B *trình bày:*

+ Về hồ sơ địa chính qua các thời kỳ:

Đối với thửa đất số 126, diện tích 352m², tờ bản đồ số 31, xã B (Đập G): Theo bản đồ 299/TTg: Không xác định được, nguyên nhân bản đồ bị hư hỏng, rách không chồng ghép được nên không xác định được vị trí. Theo bản đồ địa chính năm 2001: Thuộc thửa đất số 462, tờ bản đồ số 16, diện tích 401m², loại đất 2L, quy chủ cho ông Nguyễn N2 (chồng bà Ngô Thị N). Theo bản đồ địa chính năm 2007: Thuộc thửa đất số 126, tờ bản đồ số 31, diện tích 352m², loại đất LUC, quy chủ cho UBND xã. Theo bản đồ địa chính năm 2015: Thuộc thửa đất số 126, tờ bản đồ số 31, diện tích 352m², loại đất LUC, quy chủ cho UBND xã.

Đối với thửa đất số 174, diện tích 441m², tờ bản đồ số 44, xã B (T): Theo bản đồ 299/TTg: Không xác định được, nguyên nhân bản đồ bị hư hỏng, rách không chồng ghép được nên không xác định được vị trí. Theo bản đồ địa chính năm 2001: Thuộc thửa đất số 832, tờ bản đồ số 16, diện tích 447m², loại đất 2L, quy chủ cho ông Nguyễn N2 (chồng bà Ngô Thị N). Theo bản đồ địa chính năm 2007: Thuộc thửa đất số 174, tờ bản đồ số 44, diện tích 441m², loại đất LUC, quy chủ cho UBND xã. Theo bản đồ địa chính năm 2015: Thuộc thửa đất số 174, tờ bản đồ số 44, diện tích 441m², loại đất LUC, quy chủ cho UBND xã.

Hồ sơ phương án giao đất trên địa bàn xã B thực hiện theo Nghị định 64/CP

ngày 27/9/1995 của Chính phủ hiện nay không còn hồ sơ lưu trữ.

+ Về kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường:

Hộ bà Ngô Thị N đã tự kê khai tài sản, đất đai và ký xác nhận hồ sơ tại 02 thửa đất nói trên. Căn cứ Bảng thống kê kết quả đối chiếu diện tích đã bồi thường ngoài Nhà máy L1 của Tổ Công tác được thành lập theo Quyết định 530/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của UBND tỉnh Q; UBND xã B đã xác nhận hộ bà Ngô Thị N (chồng Nguyễn N2) phần diện tích chênh lệch tăng sau khi khấu trừ phần diện tích đã bồi thường ngoài mặt bằng Nhà máy lọc dầu theo chủ trương của UBND tỉnh Q tại Công văn 5378/UBND-CNXD ngày 20/10/2015 về việc giải quyết đất nông nghiệp đã bồi thường ngoài Nhà máy L1 năm 1997, 1998; cụ thể: Thửa số 126, tờ bản đồ số 31 được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích tăng là 51m² [diện tích Bản đồ Dự án (352m²) trừ diện tích đã đền bù năm 1998 (301m²)]; UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 thu hồi đất của hộ bà Ngô Thị N để thực hiện Dự án mở rộng (vị trí 4) và đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 24/12/2015; giá trị bồi thường, hỗ trợ phần diện tích tăng tại thửa đất này được UBND huyện B ban hành tại Quyết định số 4289/QĐ-UBND ngày 30/12/2015. Thửa số 174, tờ bản đồ số 44 được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích tăng là 93m² [diện tích Bản đồ Dự án (441m²) trừ diện tích đã đền bù năm 1998 (348m²)]; UBND huyện B đã thu hồi đất phần diện tích 93m² và ban hành Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng của hộ bà Ngô Thị N; giá trị bồi thường, hỗ trợ phần diện tích tăng tại thửa đất này được UBND huyện ban hành tại Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 13/4/2017.

Như vậy, công tác kiểm kê, xác lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 và hạng mục đường dân sinh phục vụ dự án được thực hiện theo đúng quy định trên cơ sở thông báo thu hồi đất của UBND huyện B, chủ trương của UBND tỉnh Q tại Công văn số 5378/UBND-CNXD ngày 20/10/2015 về việc giải quyết đất nông nghiệp đã bồi thường ngoài Nhà máy L1 năm 1997, 1998.

Việc UBND huyện B ban hành Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 24/12/2015, Quyết định số 4289/QĐ-UBND ngày 30/12/2015, Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 và Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ phần diện tích chênh lệch tăng sau khi khấu trừ phần diện tích đã bồi thường ngoài mặt bằng Nhà máy lọc dầu năm 1998 là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi đối với người sử dụng đất. Các yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N là không có cơ sở.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã B trình bày:

Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, thống nhất như trình bày của UBND huyện B; hồ sơ giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ hiện nay không có hồ sơ lưu trữ; các tài liệu hồ sơ liên quan đến bồi thường, thu hồi đất thì UBND xã B không có đầy đủ hồ sơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn N1 trình bày:

Thống nhất như ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Na .

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2024/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; các Điều 62, 66, 67, 74, 75, 77 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện B về việc không thực hiện lập thủ tục hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho bà Ngô Thị N đối với thửa đất Đồng Giá, số thửa đất 126, diện tích 301m², tờ số 31; Thìn Tặng, số thửa đất 174, diện tích 348m², tờ số 44 (tờ bản đồ 2007 chỉnh lý 2015) là hành vi hành chính trái pháp luật và buộc UBND huyện B phải thực hiện trình tự, thủ tục lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà Ngô Thị N về đất đai đối với thửa đất Đồng Giá, số thửa đất 126, diện tích 301m², tờ số 31; Thìn Tặng, số thửa đất 174, diện tích 348m², tờ số 44 (tờ Bản đồ 2007 chỉnh lý 2015) theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 29 tháng 11 năm 2024, người khởi kiện bà Ngô Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người khởi kiện bà Ngô Thị N có kháng cáo và người đại diện theo uỷ quyền vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sau khi phân tích nội dung và các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của người khởi kiện bà Ngô Thị N là trong hạn và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác kháng cáo của người khởi kiện bà Ngô Thị N, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Ngô Thị N là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà phúc thẩm vắng mặt tất cả các đương sự nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần 02, trong đó người khởi kiện có kháng cáo và người đại diện theo uỷ quyền vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, một số đương sự khác có đơn xin xét xử vắng mặt. Trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với các yêu cầu của người khởi kiện là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, ngày 26/8/2024 bà Ngô Thị N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện nên Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng theo quy định tại Điều 173 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của người khởi kiện bà Ngô Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy.

Dự án xây dựng Nhà máy L1 tại huyện B, tỉnh Quảng Ngãi được Chính phủ triển khai thực hiện vào năm 1997, 1998. Để thực hiện dự án, UBND huyện B đã lập thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất trong và ngoài phạm vi dự án cho các hộ dân có đất bị ảnh hưởng của dự án. Sau đó, UBND tỉnh Q đã ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 thành lập tổ công tác kiểm tra, làm rõ diện tích đất nông nghiệp nằm ngoài mặt bằng Nhà máy lọc dầu số 01 D đã được bồi thường của các hộ dân tại xã B để rà soát, chồng ghép số hóa Bản đồ 299/TTg và xác định các thửa đất đã được bồi thường, hỗ trợ vào thời điểm năm 1997, 1998 để khấu trừ diện tích đã được bồi thường.

Ngày 16/12/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 2579/TTg-KTN chấp thuận Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1. Trên cơ sở đề nghị của UBND huyện B tại Công văn số 2297/UBND-DQ ngày 06/10/2015, Công văn số 1101/BQL-PTQĐ ngày 28/9/2015 của Ban Q, Báo cáo số 2550/BC-STNMT ngày 14/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q về việc giải quyết các trường hợp đất nông nghiệp đã bồi thường ngoài Nhà máy lọc dầu số 01 Dung Quất thời điểm năm 1997, 1998; UBND tỉnh Q đã ban hành Công văn số 5378/UBND ngày 20/10/2015 có nội dung: Thống nhất ý kiến đề xuất của Sở T tỉnh tại Báo cáo số 2550/BC-STNMT.

Ngày 23/01/2015, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch, tiến độ chi tiết thực hiện công tác bồi thường, tái định cư và giải phóng mặt bằng (GPMB) dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy L1. Ngày 22/01/2015 UBND huyện B có Thông báo số 23/TB-UBND về thu hồi đất để thực hiện Dự án mở rộng.

Tại Báo cáo số 2550/BC-STNMT ngày 14/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q và B thống kê kết quả đối chiếu diện tích đã bồi thường ngoài Nhà máy lọc dầu số 01 Dung Quất so với hồ sơ do bà Ngô Thị Na T kê khai thể hiện: Thửa đất 126, tờ bản đồ 31, tại mục "Thông tin đền bù ngoài mặt bằng Nhà máy lọc đầu năm 1998 (theo bảng thống kê của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q và hồ sơ bồi thường cũ do Trung tâm phát triển quỹ đất B và Ban Q1 lọc dầu cung cấp), chủ hộ được đền bù: Nguyễn Nang, theo Bản đồ 299 là thửa 444, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.520m²; theo Bản đồ trích sao, chỉnh lý năm 2015 (bản đồ phục vụ kiểm kê dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu) là thửa 126, tờ bản đồ 31, diện tích 352m², diện tích trong quy hoạch 352m², loại đất LUC, diện tích đền bù là 301m². Thửa đất 174, tờ bản đồ số 44, diện tích 441m², loại đất LUC; thực hiện hạng mục Tuyến đường dân sinh vị trí số D, xã B, huyện B thuộc tiểu dự án bồi thường hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án theo Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 23/01/2015 của UBND tỉnh Q, diện tích đền bù là 301m².

Trên cơ sở xác nhận của UBND xã B về quyền sử dụng đất, kết quả xác minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và trích lục bản đồ địa chính của hộ bà Ngô Thị N, ông Nguyễn N2 tại các thửa đất 126 và 174. Ngày 24/12/2015, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1823/QĐ-UBND thu hồi 51m² đất tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 31 (địa danh: Đập Giá); ngày 24/12/2015, UBND huyện B ban hành Quyết định số 3241/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng phần diện tích tăng 51m² và ngày 30/12/2015 UBND huyện ban hành Quyết định số 4289/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ số tiền 7.936.000 đồng; ngày 18/3/2016 bà Ngô Thị N đã ký vào Phiếu chi của Trung tâm P nhận số tiền trên và ngày 28/3/2016 bà Ngô Thị N đã ký Biên bản bàn giao đất cho Trung tâm P. Đối với thửa số 174, tờ bản đồ số 44, trên cơ sở xác nhận của UBND xã B về phần diện tích được bồi thường, hỗ trợ tăng là 93m²; ngày 25/11/2016 UBND huyện B đã ban hành Thông báo số 1491/TB-UBND về việc thu hồi đất và ngày 29/3/2017 ban hành Quyết định số 496/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; ngày 13/4/2017 UBND huyện B ban hành Quyết định số 433/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ số tiền 15.243.000 đồng; ngày 07/4/2017 bà Ngô Thị N ký vào Phiếu chi của Trung tâm P nhận số tiền trên.

Như vậy, có cơ sở xác định tại thời điểm thực hiện Dự án Nhà máy L1 vào năm 1997, 1998 thì UBND huyện B đã thực hiện thu hồi, bồi thường tại các thửa đất của hộ bà Ngô Thị N, cụ thể: Thửa đất số 126, tờ bản đồ số 31, diện tích 352m² đã được thu hồi, bồi thường 301m², còn lại 51m² chưa được thu hồi, bồi thường; thửa đất số 174, tờ bản đồ số 44, diện tích 441m² đã được thu hồi, bồi thường 348m², còn lại 93m² chưa được thu hồi, bồi thường. Đến năm 2015, khi thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu số 01 D thì UBND huyện B tiếp tục thực hiện các trình tự

thủ tục thu hồi, bồi thường đối với phần diện tích đất còn lại của các thửa đất nêu trên (51m^2 của thửa đất số 126 và 93m^2 của thửa đất số 174) cho hộ bà Ngô Thị N là đã thực hiện đầy đủ việc bồi thường theo đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N là có căn cứ pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Ngô Thị N; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà Ngô Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà Ngô Thị Na . Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2024/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho người khởi kiện bà Ngô Thị Na .

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.***Nơi nhận:***
- *VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HSVA, VP, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng